

Số: 178 /BC-UBND

Lai Châu, ngày 24 tháng 5 năm 2023

## BÁO CÁO

**Kết quả giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2022 của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu**

Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu báo cáo kết quả giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2022, như sau:

1. Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (03 Doanh nghiệp): Thực hiện trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2022 và Báo cáo giám sát đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước năm 2022.

2. Đối với Công ty Cổ phần Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ: Thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022 và Báo cáo giám sát tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp có vốn Nhà nước năm 2022 và Báo cáo của Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

*(Có báo cáo giám sát của từng doanh nghiệp kèm theo)*

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu báo cáo Bộ Tài chính theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban CE đổi mới doanh nghiệp; (B/c)
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: U;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, Kt3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Giàng A Tính

**BIỂU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	CHỈ TIÊU 1			CHỈ TIÊU 2						CHỈ TIÊU 3				CHỈ TIÊU 4 XẾP LOẠI	CHỈ TIÊU 5 XẾP LOẠI	XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP		
		TỔNG DOANH THU (TR.ĐỒNG)			LỢI NHUẬN (TR.ĐỒNG)		VỐN CSH BÌNH QUẢN (TR.ĐỒNG)		TỶ SUẤT LN/VỐN CSH (%)		XẾP LOẠI	KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ ĐẾN HẠN						NỢ QUÁ HẠN (Tr.đồng)	XẾP LOẠI
		KH	TH	XẾP LOẠI	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (Tr.đồng)	Nợ NH (Tr.đồng)	TSNH/NNH (Lần)					
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu	95 .000	76 .007	C	3 .150	3 .246			12%	12.18%	A	35 .472	16 .333	2.17	-	A	B		B
2	Công ty TNHH MTV quản lý thủy nông Lai Châu	11 .878	12 .129	A								8 .108	6 .658	1.22	-	A	B	A	B
3	Công ty TNHH thủy điện huyện Mường Tè	1 .800	2 .093	A		(3).382					C	1 .720	2 .402	0.7	-	B	B		C

**Ghi chú:**

**1. Chỉ tiêu 1:** Tổng doanh thu bao gồm: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 10) + Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21) + Thu nhập khác (Mã số 31) theo quy định tại Điều 17 Quy chế kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10.3.2017 của UBND tỉnh

- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu xếp loại C; Lý do doanh thu thực hiện/doanh thu kế hoạch = 76.007/95.000\*100%=80%; theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10.3.2017 của UBND tỉnh; Doanh nghiệp xếp loại C khi tổng doanh thu thực hiện đạt dưới 90% kế hoạch được giao.

**2. Chỉ tiêu 2:**

- Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè xếp loại C, do Công ty lỗ do doanh thu không đủ bù chi phí; doanh thu (3.382) triệu đồng

- Công ty TNHH MTV quản lý thủy nông không đánh giá chỉ tiêu này do theo khoản 3 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ quy định đối với doanh nghiệp được thành lập và thực tế hoạt động thường xuyên ổn định và chủ yếu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công việc xếp loại doanh nghiệp căn cứ từng tiêu chí 1, 3, 4 và tiêu chí 5 quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ

**3. Chỉ tiêu 4:**

- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu; Công ty TNHH MTV Thủy Nông, Công ty TNHH Thủy Điện Mường Tè đều xếp loại B; Lý do: theo điểm d khoản 3 Điều 19 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh "doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì xếp loại B: Bị cơ quan đại diện Chủ sở hữu/cơ quan tài chính nhắc nhở 01 lần bằng văn bản về việc nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo khác không đúng quy định, không đúng hạn".

**BIỂU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện /Kế hoạch			
1	Công ty TNHH MTV Xổ xổ kiến thiết Lai Châu	12%	12.18%	103%	B		
2	Công ty TNHH MTV Quản lý thủy nông Lai Châu				B		
3	Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè		-15.32%		C		

## BÁO CÁO KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG DOANH THU (Tr.đồng)	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tr.đồng)	SỐ PHẢI NỢ NGÂN SÁCH (Tr.đồng)	PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP		GHI CHÚ
					AN TOÀN VỀ TÀI CHÍNH	MẤT AN TOÀN VỀ TÀI CHÍNH	
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu	76 .007	3 .246	23.300.6	x		
2	Công ty TNHH MTV Quản lý thủy nông Lai Châu	12 .129		8	x		
3	Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè	2 .093	(3).382	429		x	

**Ghi chú:** Chỉ tiêu 1: Tổng doanh thu bao gồm: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 10) + Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21) + Thu nhập khác (Mã số 31) theo quy định tại Điều 17 Quy chế kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10.3.2017 của UBND tỉnh

## **BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2022**

**Đơn vị được giám sát: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu**

(Kèm theo Báo số:           /BC-UBND ngày     /5/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

### **1. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước**

a) Vốn chủ sở hữu: 26.650 triệu đồng.

b) Tổng tài sản: 43.708 triệu đồng.

c) Lợi nhuận sau thuế: 3.247 triệu đồng.

d) Hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): 12,18%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): 7,4%.

### **2. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước**

a) Tình hình đầu tư dự án đầu tư, gồm: Nguồn vốn huy động, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tiến độ giải ngân vốn đầu tư: Không.

b) Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không.

c) Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: Trong năm không phát hành trái phiếu, không vay các tổ chức tín dụng cũng như không vay các tổ chức và cá nhân khác.

d) Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

- Công ty đã thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản; việc mua sắm và trích khấu hao TSCĐ cơ bản đảm bảo quy định.

- Việc ban hành Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp: Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ tại Quyết định số 93/QĐ-XSKT ngày 26/4/2021 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu.

- Về tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

+ Nợ phải thu đến 31/12/2022 là 738 triệu đồng, trong đó phải thu của khách hàng là 209 triệu đồng; các khoản phải thu khác là 529 triệu đồng (không có nợ phải thu khó đòi).

+ Nợ phải trả đến 31/12/2022 là 17.057 triệu đồng, trong đó nợ ngắn hạn 16.333 triệu đồng (*phải trả người bán 9,8 triệu đồng, người mua trả tiền trước 2.271 triệu đồng, thuế và các khoản phải nộp ngân sách 2.978 triệu đồng, trả người lao động 805 triệu đồng, dự phòng rủi ro 9.441 triệu đồng, quỹ khen thưởng*

phúc lợi 671 triệu đồng, các khoản phải trả phải nộp khác 158 triệu đồng); nợ dài hạn 724 triệu đồng; không có nợ quá hạn.

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tài sản ngắn hạn (mã 100)/nợ ngắn hạn (mã 310) = 35.472 triệu đồng/16.333 triệu đồng = 2,17 lần.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 0,64 lần.

### 3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp

a) Các chỉ tiêu tài chính:

- Tổng doanh thu: 87.254 triệu đồng (doanh thu kinh doanh xỏ số 86.230 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính 1.024 triệu đồng, thu nhập khác 0,065 triệu đồng); doanh thu từ hoạt động kinh doanh xỏ số 86.231 triệu đồng đạt 82,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng chi phí: 71.948 triệu đồng, đạt 82,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

+ Chi phí kinh doanh xỏ số 59.184 triệu đồng, đạt 78% so với năm 2021.

+ Chi phí quản lý 12.765 triệu đồng, tăng 9,6% so với năm 2021.

b) Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp:

- Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/vốn chủ sở hữu: 15,2%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): 12,18%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): 7,4%.

c) Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích: Không.

d) Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo:

- Luồng tiền vào 98.817 triệu đồng, bao gồm: Thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ 70.719,8 triệu đồng (trong đó Xỏ số Lô tô 63.165 triệu đồng, xỏ số truyền thống 6.701 triệu đồng, xỏ số bóc 847,4 triệu đồng, thu khác 6,4 triệu đồng), thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh 10.102 triệu đồng; rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 17.000 triệu đồng, thu lãi tiền gửi ngân hàng 995 triệu đồng.

- Luồng tiền ra: Chi phí hoạt động 97.858 triệu đồng, bao gồm: Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ 20.121 triệu đồng, chi trả cho người lao động 5.974 triệu đồng, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 670 triệu đồng, chi khác cho hoạt động kinh doanh 54.093 triệu đồng (chi phí trả thưởng cho khách hàng, phát hành vé số và chi phí khác), tiền gửi có kỳ hạn 17.000 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: 959 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ: 13.392 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ: 14.351 triệu đồng.

**4. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ**

- Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước: Số năm trước chuyển sang 2.369,2 triệu đồng, số phát sinh năm 2022 là 23.300,6 triệu đồng, số thuế nộp vào ngân sách nhà nước đến 31/12/2022 là 22.635,2 triệu đồng, thuế điều chỉnh giảm năm 2022 là 57 triệu đồng, số còn lại chuyển năm 2023 là 2.977,6 triệu đồng.

- Trích lập và sử dụng các quỹ năm 2021: Thực hiện theo Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh Lai Châu:

+ Trích 30% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp, số tiền 977.759.000 đồng.

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 1.164.195.000 đồng.

+ Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp số tiền 118.158.000 đồng.

- Còn lại nộp ngân sách tỉnh số tiền 999.084.822 đồng.

### **5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách**

- Việc chấp hành các quy định về lĩnh vực đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước vào doanh nghiệp: Trong năm không phát sinh đầu tư vốn của nhà nước vào doanh nghiệp.

- Thuế, thu nộp ngân sách: Trong năm đã thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định; cơ bản thực hiện các quy định của nhà nước về hoạt động kinh doanh xỏ số.

- Chế độ báo cáo tài chính đã thực hiện theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh Lai Châu; Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin doanh nghiệp nhưng chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

**6. Thực hiện các nội dung thanh tra, kiểm toán:** Trong năm không có cuộc thanh tra, kiểm tra.

### **7. Đánh giá nhận xét**

- Công ty đã cơ bản thực hiện tốt: Quy chế tài chính, chiến lược kinh doanh dài hạn, ngắn hạn, xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo quyết định của Chủ sở hữu; công khai hoạt động tài chính của doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử theo quy định tại Thông tư số 219/2015/TT-BTC.

- Yêu cầu Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nguồn vốn và tài sản hiện có để đạt lợi nhuận cao nhất.

- Tiếp tục duy trì Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước trong giai đoạn 2022-2025.